

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày 12-03-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Trinh Húy.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023, về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà T, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Thanh T; Địa chỉ: Ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 375/2023/QĐ-LienVietPostBank.CNST ngày 03/4/2023 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/04/2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Dương Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại

cổ phần B trình bày: Ông Trần Thanh Q đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần B – phòng G hợp đồng tín dụng số HĐTD38B201800023 ngày 18/06/2018 vay thấu chi số tiền 40.000.000 đồng. Theo hợp đồng ký kết, Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi cho ông Q số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 18/06/2018 đến ngày 17/06/2019, phương thức cho vay từng lần, nợ gốc thấu chi được trả tự động ngay khi tài khoản thanh toán của khách hàng phát sinh giao dịch ghi “Có” và lãi Ngân hàng sẽ tự động hạch toán thu nợ lãi và phí phát sinh (nếu có). Mục đích vay vốn để tiêu dùng hợp pháp, lãi suất vay 12.5%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi quá hạn 150%, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm. Đến ngày 17/6/2019, ông Q không thanh toán nợ gốc 14.118.941 đồng và lãi tính đến ngày 12/3/2024 là 10.023.481 đồng. Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Trần Thanh Q trả số tiền vốn và lãi tính từ ngày 12/6/2019 đến ngày 12/3/2024 là 24.142.422 đồng và yêu cầu buộc ông Q phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 13/3/2024 đến khi thanh toán xong tiền vay.

- Bị đơn ông Trần Thanh Q vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Q hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền vốn 14.118.941 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/3/2024 là 10.023.481 đồng, ông Trần Thanh Q phải tiếp tục chịu lãi đến khi thanh toán xong tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với bị đơn không đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn ông Trần Thanh Q có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt Ngân hàng) yêu cầu ông Trần Thanh Q hoàn trả tiền vay, lãi tính đến ngày 12/3/2024 là 24.142.422 đồng, trong vốn 14.118.941 đồng và lãi 10.023.481 đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng cung cấp bản sao chứng thực sao đúng

với bản chính hợp đồng tín dụng số HĐTD38B201800023 ngày 18/06/2018 nên căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử công nhận giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và ông Trần Thanh Q có giao kết hợp đồng nêu trên. Việc giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp quy định của pháp luật nên hợp đồng có giá trị pháp lý và buộc các bên thực hiện. Theo hợp đồng ông Trần Thanh Q được cấp hạn mức thấu chi là 40.000.000 đồng và sử dụng tiền vay đến ngày 17/6/2019 còn nợ vốn gốc 14.118.941 đồng nhưng không thanh toán. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Khi giao kết hợp đồng các bên thỏa thuận lãi suất cho vay, lãi quá hạn và lãi suất nợ lãi chậm trả phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Ngân hàng yêu cầu tính lãi từ ngày 12/6/2019 đến ngày 12/3/2024 là 10.023.481 đồng có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Q phải có nghĩa vụ chịu án phí.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

1. Buộc ông Trần Thanh Q có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 24.142.422 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng), trong vốn 14.118.941 đồng và lãi 10.023.481 đồng.

2. Kể từ ngày 13/3/2024, ông Trần Thanh Q còn phải tiếp tục chịu lãi của tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD38B201800023 ngày 18/06/2018.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Thanh Q phải chịu án phí số tiền 1.207.121 đồng (một triệu hai trăm lẻ bảy nghìn một trăm hai mươi một đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B, số tiền tạm ứng đã nộp 540.642 đồng (năm trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0000441 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai